

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-09-2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 23 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12/07/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐ-HNGĐ, ngày 04/09/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1989 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/07/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Minh T cưới nhau đầu năm 2017, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/05/2017. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay, không đoàn tụ được. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm chăm sóc chị và con nên

không còn tình cảm với nhau, nên chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/08/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt nên không trình bày.*

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/07/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Về con chung: Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/08/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn anh Nguyễn Minh T cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T có quen biết tìm hiểu nhau từ năm 2017 rồi đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 22/05/2017 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay, không đoàn tụ được. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm chăm sóc chị và con nên không còn tình cảm với nhau, nên chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị L, anh T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L khai có con chung với anh Nguyễn Minh T là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/08/2017 và yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu P trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng sống chung với chị L.

Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L là giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/08/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Minh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Minh T cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Minh T cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/08/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Minh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_đ 0014326 ngày 12/07/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo